

Đôi điều về việc sửa đổi pháp luật tố tụng dân sự

Để đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới đất nước, thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp, bổ sung những thiếu sót trong thủ tục tố tụng dân sự, kinh tế, lao động, khắc phục sự tàn mạn, trùng lặp, thiếu đồng bộ trong các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trước đây; đồng thời tạo điều kiện cho tòa án giải quyết các vụ việc dân sự nhanh chóng, chính xác, công minh, đúng pháp luật, đảm bảo cho cá nhân, cơ quan, tổ chức bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình trước tòa án, ngày 15/6/2004 Quốc hội khóa XI đã thông qua Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Sau đó, ngày 29/3/2011, Quốc hội ban hành Luật số 65/2011/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều BLTTDS.

Việc ban hành BLTTDS năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS đã đánh dấu bước phát triển của hệ thống pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam.

Qua 10 năm thi hành Bộ luật này cho thấy đã nảy sinh những vướng mắc và bất cập trong thực tiễn áp dụng. Có nhiều quy định của BLTTDS chưa phù hợp với thực tiễn; một số quy định còn



Quốc hội thảo luận tại hội trường về dự thảo Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi)

chưa rõ, có cách hiểu và vận dụng khác nhau; có những vấn đề cần giải quyết trong vụ án dân sự nhưng chưa được quy định trong BLTTDS. Vì vậy, để hoàn thiện BLTTDS, chúng tôi cho rằng cần sửa đổi, bổ sung một số vấn đề sau:

Về tranh tụng trong tố tụng dân sự

Tranh tụng trong tố tụng dân sự chính là một trong những nguyên tắc thể hiện bản chất dân chủ và nhân đạo nhằm bảo vệ các quyền con người. Thông qua quá

trình tranh tụng giúp tòa án hiểu rõ yêu cầu của các đương sự, có được các chứng cứ, lý lẽ, căn cứ pháp lý để xác định chân lý khách quan của vụ kiện, trên cơ sở đó tòa án giải quyết các yêu cầu của đương sự, xác lập lại cho đúng các quan hệ pháp luật dân sự mà các bên tham gia hoặc những quan hệ mà pháp luật điều chỉnh về quyền và nghĩa vụ của các bên khi có sự kiện pháp lý xảy ra; xác định đúng các quyền, nghĩa vụ của mỗi bên theo quy định của pháp luật. Trên

song

TS Dương Quỳnh Hoa
TS Phạm Thị Hương Lan



Nguồn: Internet

cơ sở của tranh tụng, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền tố tụng dân sự, đồng thời bảo đảm cho các chủ thể tham gia tố tụng sự bình đẳng trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trước tòa án.

Tuy nhiên, nguyên tắc này chưa được cụ thể hóa trong các luật tố tụng nói chung và BLTTDS nói riêng. Điều 23a Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS có quy định về bảo đảm quyền tranh luận tố tụng dân sự. Đồng

thời, Luật còn bổ sung một số quy định cụ thể bước đầu thể hiện tăng cường tranh tụng tại phiên tòa. Theo BLTTDS hiện nay, mặc dù hội đồng xét xử giữ vai trò điều khiển phiên tòa nhưng các yếu tố của thủ tục tố tụng tranh tụng được coi trọng, chẳng hạn trong phần xét hỏi, luật sư có quyền chất vấn bên đối thủ, các đương sự có thể đặt câu hỏi đối với nhau. Tất cả các chứng cứ, tài liệu dùng làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án đều được các bên tranh tụng công khai, trực tiếp và bằng lời nói tại phiên tòa, luật sư giữ vai trò chủ động trong quá trình tranh tụng, tòa án không được hạn chế thời gian tranh luận mà phải tạo điều kiện cho những người tham gia tranh luận trình bày hết ý kiến của họ.

Nhưng trên thực tế, tranh tụng mới chỉ được hiểu là việc tranh luận tại phiên tòa. Do đó, việc tranh tụng được vận dụng trong xét xử chưa mang lại hiệu quả. Hậu quả của vấn đề này xuất phát từ nhiều nguyên nhân như nội hàm của “tranh tụng” chưa được làm rõ; quyền, nghĩa vụ của những người tham gia tranh tụng còn chưa đầy đủ; phạm vi tranh tụng, trách nhiệm của tòa án, thẩm phán, hội thẩm, cá nhân và cơ quan, tổ chức khác trong việc bảo đảm quyền tranh tụng của đương sự chưa được quy định cụ thể, đặc biệt là trong việc thu thập, cung cấp và tiếp cận chứng cứ;... Do vậy, BLTTDS sửa đổi sắp tới cần có những quy định cụ thể hơn về các vấn đề nêu trên, làm rõ nội hàm của khái niệm “tranh tụng” để đảm bảo cho các đương sự có

đủ điều kiện thực hiện quyền tranh tụng trong tố tụng dân sự.

Về trách nhiệm cung cấp tài liệu, chứng cứ của cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền

Điều 94 BLTTDS quy định: “Cá nhân, cơ quan, tổ chức đang quản lý, lưu giữ chứng cứ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời chứng cứ theo yêu cầu của tòa án, viện kiểm sát trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu; trường hợp không cung cấp đầy đủ, kịp thời chứng cứ theo yêu cầu của tòa án, viện kiểm sát thì tùy theo mức độ vi phạm có thể bị xử lý theo quy định của pháp luật”. Tuy nhiên, quy định này còn quá chung chung, chưa có chế tài cụ thể nếu như cơ quan, cá nhân, tổ chức lưu giữ chứng cứ không cung cấp hoặc chậm cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của tòa án. Trên thực tế, việc các đương sự tự mình đi thu thập chứng cứ gặp nhiều khó khăn, do không nhận được sự hợp tác của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu giữ chứng cứ. Trong rất nhiều vụ án, mặc dù đương sự đã cất công đi lại nhiều lần yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp các chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án để họ giao nộp cho tòa án nhưng đều bị từ chối với đủ mọi lý do. Việc từ chối thường chỉ bằng lời nói, thái độ, cử chỉ. Với cách từ chối này, đương sự khó có thể chứng minh việc họ đã áp dụng mọi biện pháp nhưng vẫn không thu thập được chứng cứ để làm cơ sở yêu cầu tòa án thu thập. Do đó, nhiều giải pháp được đương sự lựa chọn chính là

nhờ thẩm phán xác minh, thu thập chứng cứ. Nhưng, nói như nhiều thẩm phán, ngay bản thân họ khi đi thu thập, xác minh cũng gặp những trở ngại nhất định, thông tin thu thập về nhiều trường hợp vừa chậm, vừa không đảm bảo sự chính xác.

Chứng cứ ít, thu thập lại khó khăn dẫn đến đương sự không thể tranh luận hoặc tranh luận chỉ là hình thức. Nhiều trường hợp đương sự muốn tranh luận cũng khó vì họ không biết được chứng cứ của phía bên kia. BLTTDS hiện hành chưa có quy định buộc đương sự phải sao gửi chứng cứ cho đương sự phía bên đối lập, do đó, chứng cứ bên nào có được bên ấy biết. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự, tòa án khi giải quyết vụ việc cũng dễ dẫn đến khó đảm bảo sự công bằng khi mà quyền tranh luận đã bị bỏ qua hoặc thực hiện một cách chiếu lệ vì chưa có cơ chế chia sẻ thông tin, cung cấp chứng cứ giữa các bên và giữa đương sự với tòa án. Vì vậy, trong BLTTDS sửa đổi sắp tới cần cụ thể hóa các quy định về trách nhiệm cung cấp tài liệu, chứng cứ của cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để đảm bảo đương sự có thể thực hiện được quyền chứng minh trong tố tụng dân sự.

Về thủ tục rút gọn trong tố tụng dân sự

Theo quy định của BLTTDS thì thủ tục tố tụng thông thường hiện nay được tòa án áp dụng để giải quyết tất cả các tranh chấp dân sự kéo dài từ 4 tháng đến 6 tháng.

Tại tòa án nhân dân chỉ có một thủ tục tố tụng dân sự chung và duy nhất cho việc giải quyết tất cả các loại tranh chấp dân sự. Như vậy, những vụ án đơn giản, có chứng cứ rõ ràng, bị đơn không phản đối, giá ngạch thấp nhưng vẫn phải giải quyết theo thủ tục tố tụng thông thường, gây lãng phí thời gian, chậm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, gây tổn kém cho Nhà nước và các bên đương sự.

Qua công tác tổng kết xét xử của Tòa án nhân dân tối cao hàng năm cho thấy, tranh chấp dân sự phát sinh ngày càng nhiều, tính chất phức tạp ngày càng tăng lên. Tòa án các cấp những năm gần đây luôn ở trong tình trạng quá tải, lực lượng thẩm phán, thư ký tại các tòa án không đáp ứng đủ yêu cầu giải quyết vụ việc dân sự. Thực tiễn giải quyết vụ việc dân sự thấy rằng, có nhiều vụ án dân sự đơn giản, nhưng thời gian giải quyết lại kéo dài một cách không cần thiết, trong khi các thẩm phán có thể giải quyết nhanh hơn nếu không phải thực hiện đầy đủ các

trình tự, thủ tục được quy định mà vẫn đảm bảo được các mục tiêu mà pháp luật tố tụng đã đặt ra. Các đương sự và ngay cả tòa án mong muốn có một thủ tục đơn giản, thuận lợi, ít tốn kém hơn đối với những vụ án đơn giản, giá trị tranh chấp nhỏ, có chứng cứ rõ ràng. Xét cả ở góc độ thực tiễn và khoa học, để hạn chế phần nào những bất cập của thủ tục xét xử thông thường đối với những loại vụ án này, việc xây dựng chế định về xét xử vụ việc dân sự theo thủ tục rút gọn là một giải pháp cần thiết, không những đảm bảo được trình tự thủ tục tối thiểu của thủ tục tố tụng mà còn đảm bảo việc giải quyết vụ án nhanh chóng, hiệu quả và tiết kiệm.

Sửa đổi quy định về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

Theo quy định tại khoản 1 Điều 120 BLTTDS: “Người yêu cầu tòa án áp dụng một trong các biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại các khoản 6, 7, 8, 10 và 11 Điều 102 của Bộ luật này phải gửi một khoản tiền, kim khí quý, đá



quý hoặc giấy tờ có giá do tòa án ấn định nhưng phải tương đương với nghĩa vụ tài sản mà người có nghĩa vụ phải thực hiện để bảo vệ lợi ích của người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và ngăn ngừa sự lạm dụng quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời từ phía người có quyền yêu cầu...". Theo chúng tôi, vấn đề này không đúng với thực tế, gây khó khăn cho người yêu cầu tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, trong nhiều trường hợp không bảo đảm được quyền lợi chính đáng của nguyên đơn, đặc biệt là đối với các vụ án mà nguyên đơn là người nghèo không có tiền, kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá để gửi vào tài khoản phong tỏa tại ngân hàng nơi có trụ sở của tòa án.

Theo quy định tại Điều 99 BLTTDS, trường hợp do tình thế khẩn cấp, cần phải bảo vệ ngay bằng chứng, ngăn chặn hậu quả nghiêm trọng có thể xảy ra thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền nộp đơn yêu cầu tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Trên thực tế, có những trường hợp tòa án thấy cần phải áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để thu thập chứng cứ nhưng lại không có căn cứ áp dụng; để khắc phục thực trạng này, việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để thu thập chứng cứ cần được quy định cụ thể trong BLTTDS.

Công nhận kết quả hòa giải ngoài tòa án

Việc công nhận kết quả hòa giải ngoài tòa án đối với các trường hợp tranh chấp dân sự sẽ

tạo ra hiệu lực pháp lý cho kết quả hòa giải, khi đó kết quả hòa giải sẽ có tính ràng buộc với các bên, như vậy thông qua quy định trong bộ luật sẽ khuyến khích các bên tranh chấp giải quyết tranh chấp bằng hòa giải, giảm tải cho tòa án. Tuy nhiên, hòa giải thành để được

“*BLTTDS sửa đổi sắp tới cần cụ thể hóa các quy định về trách nhiệm cung cấp tài liệu, chứng cứ của các nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để đảm bảo đương sự có thể thực hiện được quyền chứng minh trong tố tụng dân sự*”

tòa án công nhận phải có trình tự, thủ tục rất cụ thể và cần thiết phải có cơ quan, tổ chức hòa giải. Theo quy định của pháp luật hiện hành, trong tranh chấp đất đai có hòa giải ở cơ sở, ủy ban nhân dân cấp xã; trong tranh chấp lao động thì Công đoàn sẽ tổ chức hòa giải...; đối với các tranh chấp thương mại, kinh doanh pháp luật chưa quy định cụ thể để tổ chức, cá nhân là người thứ ba đứng ra hòa giải và yêu cầu tòa án công nhận kết quả hòa giải thành. Chúng tôi kiến nghị cần thiết phải thành lập các trung tâm hòa giải bên cạnh các đoàn luật sư, có các hòa giải viên am hiểu pháp luật và lĩnh vực đang tranh chấp được phép tiến hành hòa giải. Kết quả hòa giải của trung tâm hòa giải được tòa án công nhận và có giá trị thi hành như bản án, quyết định của tòa án.

Việc công nhận kết quả hòa

giải sẽ giúp khắc phục được những bất cập về hòa giải, trong đó có việc hạn chế đưa ra những kết quả hòa giải không đúng pháp luật. Trong thực tiễn, kết quả hòa giải ngoài tòa án không phải lúc nào cũng buộc tòa án phải công nhận vì có những vụ việc hòa giải trái pháp luật mà người thực hiện hòa giải không biết hoặc không thể biết vì các bên đương sự cố tình che giấu. Ví dụ: trong trường hợp tranh chấp di sản thừa kế, các bên tranh chấp không khai rõ người được hưởng thừa kế thì vô hình chung sẽ bỏ sót người được hưởng thừa kế trong quá trình hòa giải và công nhận kết quả hòa giải. Do đó, việc quy định kết quả hòa giải để được tòa án công nhận nên quy định các điều kiện rất cụ thể về thủ tục tố tụng tại tòa án.

Về áp dụng án lệ trong xét xử dân sự

Việc tòa án áp dụng án lệ trong xét xử dân sự là quy định mới trong BLTTDS nên việc quy định phải rất cụ thể để tránh áp dụng tùy tiện, gây thiệt hại cho đương sự. Án lệ được hiểu là những nguyên tắc pháp lý rút ra từ những phán quyết của tòa án do các thẩm phán của tòa án cấp trên sáng tạo ra, cung cấp tiền lệ hay cơ sở pháp lý để các thẩm phán tòa án cấp dưới giải quyết các vụ việc có tình tiết tương tự trong hiện tại và tương lai. Thiết nghĩ cần quy định cụ thể trình tự, thủ tục công nhận án lệ và tính chuẩn mực để công nhận những bản án, quyết định về vụ việc dân sự được xem là án lệ ■